

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới; thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam (dự án Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu đổi mới mô hình phát triển du lịch, nâng chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh, phát huy giá trị văn hóa, huy động nguồn lực và mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, với mục tiêu chung là: “*Phát triển du lịch Việt Nam chất lượng cao, thông minh, xanh, sáng tạo, giàu bản sắc văn hóa, có giá trị gia tăng cao; có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, có sức lan tỏa mạnh đối với các ngành, lĩnh vực khác, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững. Nâng cao tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế; gắn phát triển du lịch với phát triển công nghiệp văn hóa, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người, nâng cao vị thế, uy tín và sức mạnh mềm quốc gia.*”, các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, năm 2045 với các chỉ tiêu cụ thể và **18 cơ chế, chính sách** cần nghiên cứu, thể chế hóa, triển khai thực hiện. Từ đó, đặt ra yêu cầu việc thể chế hóa cần lựa chọn đúng các vướng mắc thuộc thẩm quyền Quốc hội, đồng thời triển khai đầy đủ giải pháp thuộc thẩm quyền Chính phủ và địa phương.

Nghị quyết số 26-NQ/TW có chủ trương về một số nội dung thí điểm: “*Thực hiện thí điểm đối với những vấn đề cấp bách cần triển khai ngay để tạo đột phá cho du lịch phát triển trong trường hợp chưa có văn bản pháp luật quy định*

hoặc cần áp dụng khác với quy định hiện hành, kèm theo cơ chế kiểm soát, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm” và giao Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp với Đảng ủy Quốc hội thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Nghị quyết với các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi, hiệu quả.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW, các cơ chế đề xuất trong hồ sơ nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao; ưu đãi đầu tư có trọng tâm; thu hút khách lưu trú dài ngày, người làm việc từ xa; phát triển nhân lực, thương hiệu và thí điểm mô hình kinh doanh mới. Cách tiếp cận là quy định trực tiếp quyền, điều kiện, mức ưu đãi, thời hạn và trách nhiệm, để các chủ thể có thể dự liệu việc đầu tư, kinh doanh và cơ quan nhà nước có căn cứ kiểm tra.

b) Cơ sở pháp lý

Qua rà soát, Nghị quyết số 26-NQ/TW có 18 cơ chế, chính sách gồm: 1) Mô hình du lịch mới; (2) hoàn thuế giá trị gia tăng tại các trung tâm thương mại...; (3) nền tảng du lịch trực tuyến xuyên biên giới; (4) hợp tác công – tư trong quản lý, bảo tồn, phát triển; (5) danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư đối với dự án động lực (6) hỗ trợ về đầu tư, đất đai, tài chính, thủ tục, thuế, phí, mặt bằng, kinh doanh đối với dự án du lịch chất lượng cao; (7) thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh của khách du lịch; (8) thị thực ưu đãi; (9) cải cách thủ tục lưu trú, tham quan tại khu vực biên giới, hải đảo; (10) bảo hiểm bắt buộc đối với khách du lịch quốc tế; (11) chuyển hóa giá trị tài nguyên du lịch; (12) nguồn lực ngân sách nhà nước; (13) Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, các quỹ đầu tư, quỹ bảo lãnh tín dụng, tín dụng đầu tư ưu đãi; (14) bảo hiểm rủi ro ngành du lịch; (15) thí điểm có kiểm soát để thu hút khách lưu trú dài ngày; (16) đặc thù đối với các khu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch có quy mô lớn; (17) thí điểm đối với những vấn đề cấp bách cần triển khai ngay để tạo đột phá cho du lịch phát triển; (18) hỗ trợ xúc tiến mở đường bay mới, phát triển điểm đến mới và sản phẩm mới.

Qua rà soát cho thấy nhiều cơ chế chính sách chưa được quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, còn vướng mắc, chưa đủ mạnh để khơi thông nguồn lực phát triển. Cụ thể, các vấn đề cần có những chính sách đặc thù, vượt trội gồm: (1) chính sách cho các dự án tạo động lực du lịch, (2) chính sách cho đào tạo nhân lực và phát triển thương hiệu, (3) chính sách cho các mô hình kinh doanh du lịch mới, (4) các chính sách ưu tiên, hỗ trợ của Nhà nước cho phát triển du lịch.

Đồng thời, dự thảo Nghị quyết Quốc hội được rà soát, xây dựng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền Quốc hội ban hành nghị quyết để thí điểm chính sách mới khác với luật hiện hành.

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 là cơ sở xác định chủ thể, hoạt động kinh doanh du lịch, quyền của khách và trách nhiệm quản lý; Điều 31, Điều 32 là căn cứ đối chiếu điều kiện, thủ tục xử lý hành vi vi phạm; Điều 37 quy định trách nhiệm của

doanh nghiệp lữ hành; Điều 68 và Điều 70 đến Điều 72 liên quan xúc tiến và Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 quy định các hình thức ưu đãi, hỗ trợ và thẩm quyền điều chỉnh danh mục tại Điều 14, Điều 15, Điều 17. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và các luật sửa đổi là căn cứ đối chiếu khoản chi được miễn trừ tại Điều 9, ưu đãi thuế tại Điều 12, Điều 13, Điều 14.

- Luật Đất đai, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về tài sản công, di sản, môi trường, thương mại điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, dữ liệu cá nhân và các nghị quyết đặc thù khác.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn phát triển du lịch trong thời gian qua còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, cụ thể:

Một là, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế đối với các dự án hội nghị, triển lãm, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, giải trí, chăm sóc sức khỏe và du lịch đêm chưa thực sự phù hợp với đặc thù về vốn đầu tư, thời gian thu hồi vốn và mức độ lan tỏa; chưa tạo động lực đủ mạnh để cải tạo, nâng cấp cơ sở hiện có, trong khi vẫn có xu hướng tập trung mở rộng quy mô lưu trú.

Hai là, nhu cầu của nhóm khách nghỉ dưỡng dài ngày, người làm việc từ xa ngày càng đa dạng nhưng chưa có cơ chế pháp lý và chính sách phù hợp, dẫn đến khó khăn trong quản lý cư trú, lao động, thuế và cung ứng dịch vụ cho nhóm khách này.

Ba là, doanh nghiệp du lịch còn gặp khó khăn trong đầu tư thường xuyên cho đào tạo nghề, ngoại ngữ, kỹ năng số, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường quốc tế; cơ chế hỗ trợ, khuyến khích chưa gắn đầy đủ với chi phí thực tế và kết quả đầu tư vào năng lực cạnh tranh.

Bốn là, sự tham gia của cộng đồng, hợp tác xã, hộ kinh doanh vào cung cấp các sản phẩm trải nghiệm tại làng nghề, vùng nông nghiệp, điểm đến văn hóa còn hạn chế do thiếu cơ chế phù hợp với quy mô hoạt động, đồng thời chưa làm rõ đầy đủ trách nhiệm về an toàn, bảo hiểm, hoàn tiền và trách nhiệm của các nền tảng cung cấp dịch vụ.

Trong bối cảnh đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam để thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng theo Nghị quyết số 26-NQ/TW là hết sức cần thiết. Nghị quyết không chỉ tháo gỡ điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành, mà còn có một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển du lịch Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành dự án Nghị quyết

- Tạo cơ sở pháp lý cho các nhóm chính sách có thể thực hiện, kiểm tra và đánh giá; huy động đầu tư vào các dự án động lực phát triển du lịch, các mô hình

kinh doanh du lịch mới, phát triển thương hiệu và sản phẩm du lịch, nâng cao năng lực nguồn nhân lực du lịch, phát triển các doanh nghiệp du lịch mạnh, hỗ trợ phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch.

- Góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 phát triển mạnh 03 cực tăng trưởng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; 10 trung tâm du lịch trọng điểm; 20 khu du lịch quốc gia; 15 tập đoàn, tổng công ty có thương hiệu mạnh, sức cạnh tranh quốc tế; bảo đảm khoảng 1,5 triệu buồng lưu trú, 2,3 triệu việc làm trực tiếp và 3,5 triệu việc làm gián tiếp.

2. Quan điểm xây dựng dự án Nghị quyết

- Xác định đúng, đúng các chính sách mang tính then chốt tầm luật để tháo gỡ điểm nghẽn, tạo đột phá về nguồn lực, nhất là huy động nguồn lực xã hội cho phát triển du lịch, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực cho du lịch.

- Thiết kế các chính sách, quy định vừa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, vừa có tính đặc thù của du lịch theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 26-NQ/TW bảo đảm tính khả thi và nguồn lực thực hiện.

- Bảo đảm phù hợp với các chủ trương của Đảng, Hiến pháp và pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT

1. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới.

2. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 07/9/2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhiệm vụ “rà soát, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các định hướng, quan điểm của Nghị quyết”.

3. Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà (Thông báo kết luận số 507/TB-VPCP ngày 29/9/2026), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức xây dựng dự án Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 50 và Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Cụ thể:

a) Rà soát, nghiên cứu, xây dựng quy định cụ thể trong dự án Nghị quyết theo 04 nhóm chính sách đã được Chính phủ quyết nghị thông qua tại Nghị quyết số 263/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và yêu cầu về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

b) Thành lập và tổ chức họp Tổ soạn thảo với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành Trung ương, cơ quan liên quan.

c) Gửi văn bản lấy kiến ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ và đăng tải hồ sơ dự án Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý để hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

d) Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết trình Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các cơ chế, chính sách về ưu đãi thuế đối với dự án tạo động lực phát triển du lịch; phát triển nhân lực, thương hiệu, thị trường du lịch, một số mô hình kinh doanh du lịch mới và các chính sách ưu tiên phát triển du lịch.

1.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; người nước ngoài thuộc diện ưu đãi quy định tại Nghị quyết này; chủ quản nền tảng số; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo gồm 10 điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Điều 2. Nguyên tắc thực hiện, Điều 3. Giải thích từ ngữ, Điều 4. Địa bàn áp dụng, Điều 5. Ưu đãi đối với dự án du lịch động lực, Điều 6. Đào tạo nhân lực và phát triển thương hiệu du lịch, Điều 7. Ưu đãi đối với mô hình kinh doanh du lịch mới, Điều 8. Ưu tiên, hỗ trợ phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch, Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện, Điều 10. Hiệu lực và chuyển tiếp.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Những vấn đề nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Dự thảo lựa chọn bốn cơ chế có quan hệ bổ trợ: thúc đẩy các dự án tạo động lực phát triển du lịch; đào tạo, thương hiệu tạo năng lực cạnh tranh; phát triển các mô hình kinh doanh mới; ưu tiên hỗ trợ phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch. Phần áp dụng khác pháp luật được tập hợp tại Điều 10, không trao quyền cho địa phương tự đặt thêm ngoại lệ.

3.1.1. Ưu đãi đối với dự án du lịch động lực

a) Lý do đề xuất

Hiện nay chưa có Luật quy định về dự án du lịch động lực. Nghị quyết 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và thực tiễn đòi hỏi cần có hành lang pháp lý để hình thành các dự án có quy mô tính chất quan trọng, có khả năng phát triển đột phá,

thúc đẩy liên kết ngành, liên kết vùng, thu hút nguồn lực đầu tư, tạo hiệu ứng lan toả đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Dự thảo xác lập quyền hưởng trực tiếp theo điều kiện du lịch, không phụ thuộc hoàn toàn vào ngành, nghề đặc biệt ưu đãi hoặc ngưỡng vốn của cơ chế đầu tư đặc biệt.

Mặt khác luật tập trung ở đối tượng, thu nhập, điều kiện, mức, thời hạn hưởng ưu đãi và việc áp dụng cho phần đầu tư nâng cấp của dự án hiện hữu; được đối chiếu với Điều 12 đến Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Điều 17 Luật Đầu tư. Các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo tồn và môi trường vẫn thực hiện theo luật tương ứng.

b) Nội dung chính sách đề xuất

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 10 năm đối với thu nhập từ hoạt động đủ điều kiện; được giảm 50% số thuế phải nộp khác ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm đầu tiên. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tính liên tục từ năm đầu tiên dự án hoặc phần đầu tư mở rộng có doanh thu; thời gian miễn, giảm thuế tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì tính từ năm thứ tư.

Dự án động lực có quy mô, tính chất quan trọng, có khả năng tạo đột phá phát triển, thúc đẩy liên kết ngành, liên kết vùng, thu hút nguồn lực đầu tư, tạo hiệu ứng lan tỏa lớn đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội. Không áp dụng cho dự án a-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược, sân golf; lưu trú, nhà hàng, bán lẻ thông thường đứng riêng hoặc thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và hoạt động bị loại trừ,

Dự án mới tạo tối thiểu 100 việc làm trực tiếp thường xuyên; phần nâng cấp tạo thêm tối thiểu 30 việc làm và tạo sản phẩm chính mới hoặc tăng ít nhất 20% năng lực cung ứng. Chậm nhất từ năm hoạt động thứ ba, mua hàng hóa, dịch vụ vận hành từ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong địa phương đạt ít nhất 10%; doanh thu sản phẩm chính chiếm ít nhất 30% doanh thu phần dự án hưởng ưu đãi. Đây là các ngưỡng đề xuất để lượng hóa điều kiện, cần được kiểm nghiệm trong đánh giá tác động.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận dự án đủ điều kiện áp dụng chính sách quy định tại Điều này trên cơ sở thẩm định của cơ quan chuyên môn về du lịch, phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan thuế và cơ quan chuyên ngành có liên quan; đối với dự án thực hiện tại từ hai tỉnh, thành phố trở lên thì xác nhận riêng đối với phần thực hiện tại từng địa phương, không tính trùng chỉ tiêu.

3.1.2. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nhân lực và thương hiệu du lịch

a) Lý do đề xuất

Pháp luật về thuế đã quy định chi đào tạo nghề trong cơ cấu khấu trừ thuế. Để khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp du lịch lớn mở mới cơ sở đào tạo du lịch để tăng số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo mục tiêu phục vụ lượng khách du lịch.

b) Nội dung chính sách đề xuất

Doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có hoạt động kinh doanh du lịch, mở mới cơ sở đào tạo, thực hiện đào tạo tối thiểu 500 học viên/năm được tính vào chi phí được trừ 150% khoản chi thực tế cho công tác đào tạo, đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; phần tăng thêm bằng 50% khoản chi thực tế, không phải khoản ngân sách cấp hoặc hoàn trả bằng tiền trong 5 năm đầu. Được tính tăng thêm khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế gồm: Chi phí đào tạo, đào tạo lại người lao động trong lĩnh vực du lịch; Đăng ký, bảo hộ nhãn hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ có thể được bảo hộ theo pháp luật nước tiếp nhận, gắn với sản phẩm, dịch vụ du lịch cung cấp tại Việt Nam; chi bảo vệ quyền hợp pháp tại thị trường nước ngoài; Nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm, tham gia hội chợ chuyên ngành, xúc tiến trực tiếp, chiến dịch tiếp thị tại thị trường quốc tế nhằm đưa khách đến Việt Nam, có kế hoạch, đối tượng, sản phẩm đầu ra, hợp đồng, chứng từ thực hiện.

3.1.3. Thí điểm mô hình kinh doanh du lịch mới

a) Lý do đề xuất

Hiện nay chưa có Luật quy định về mô hình kinh doanh du lịch mới. Nghị quyết 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và thực tiễn đòi hỏi cần có hành lang pháp lý để thúc đẩy các mô hình kinh doanh du lịch mới, tích hợp công nghệ cao, xanh, sạch, tuần hoàn làm gia tăng giá trị sản phẩm du lịch, lợi nhuận và vị thế cho du lịch Việt Nam.

b) Nội dung chính sách đề xuất

Cho doanh nghiệp được tính gấp đôi chi phí nghiên cứu và phát triển khi xác định thu nhập chịu thuế, giảm tối thiểu 50% số tiền thuê đất trong 03 năm đầu cho các dự án theo mô hình kinh doanh du lịch mới; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo đối với thu nhập từ sản phẩm mà mô hình kinh doanh du lịch mới tạo ra; miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp

trong 03 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, hộ gia đình nhận được từ sản phẩm mà mô hình kinh doanh du lịch mới tạo ra.

Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến sản phẩm từ mô hình kinh doanh du lịch mới trên nền tảng số du lịch quốc gia.

3.2. Các chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch

a) Lý do đề xuất

Các chính sách cần có sự hỗ trợ, ưu đãi, ưu tiên. Thực tế đã có những quy định nhất định, tuy nhiên nguồn lực còn dàn trải, thiếu trọng tâm trọng điểm, cần quy định nguyên tắc tại Nghị quyết này để tập trung nguồn lực, đột phá vào những lĩnh vực, địa bàn có sức cạnh tranh cao, thực hiện được các mục tiêu Nghị quyết số 26-NQ/TW.

b) Nội dung chính sách đề xuất

Quy định các nội dung Nhà nước cần ưu tiên đầu tư từ nguồn đầu tư công cho các hạ tầng cơ bản của khu du lịch quốc gia và các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia; hạ tầng kết nối đến các trung tâm du lịch trọng điểm.

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư mở đường bay kết nối trực tiếp thị trường khách du lịch tiềm năng với Việt Nam, trên tuyến chưa có đường bay thẳng thường lệ cam kết tần suất tối thiểu và thời gian duy trì đường bay được hỗ trợ 50% chi phí dịch vụ cất/hạ cánh và điều hành bay tại các cảng hàng không quốc tế của Việt Nam trong thời gian 01 năm đầu tiên kể từ thời điểm bắt đầu khai thác; Hỗ trợ 50% tổng ngân sách chiến dịch truyền thông điểm đến Việt Nam do hãng hàng không và đối tác lữ hành Việt Nam đề xuất, mức trần tối đa không quá 2,5 tỷ VNĐ/đường bay trong thời gian 01 năm.

3.3. Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo có quy định thủ tục hành chính xác nhận dự án hưởng ưu đãi. Hồ sơ chính thức phải đánh giá tính cần thiết, chi phí tuân thủ và phương án điện tử hóa từng thủ tục.

Các nội dung đơn giản hóa gồm một bộ hồ sơ điện tử, sử dụng dữ liệu sẵn có, thông báo bổ sung một lần, thời hạn giải quyết trực tiếp trong Nghị quyết; bỏ yêu cầu mời, bảo lãnh trong nước đối với diện tự bảo đảm chi phí; thay giấy phép lữ hành nội địa bằng đăng ký trong phạm vi thí điểm; doanh nghiệp tự kê khai chi phí được trừ, không phải xin phê duyệt hoạt động đào tạo, xúc tiến.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận dự án; cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh xác nhận mô hình, kiểm tra và xử lý; cơ quan thuế quản lý ưu đãi. Không phân cấp cho địa phương việc thay đổi thuế suất hoặc tự đặt ngoại lệ khác luật.

3.4. Vấn đề cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính đề nghị Chính phủ cho định hướng đối với bốn nhóm chính sách

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- Về nguồn lực tài chính: Kinh phí thực hiện Nghị quyết bao gồm nguồn ngân sách trung ương và địa phương; nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật.

- Về nhân lực, bộ máy: Cơ bản không phát sinh so với hiện hành. Đối với Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết và không phát sinh thêm tổ chức mới. Đối với địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực du lịch cũng sẽ bảo đảm thực hiện chức năng quản lý của mình tại địa phương, không phát sinh bộ máy, biên chế.

2. Dự kiến thời gian trình thông qua

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển văn hóa Việt Nam qua tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XVI.

Trên đây là Tờ trình dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, CDLQGVN.

BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh